| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |
| Số: 279/2025/QĐST-HNGĐ | *K, ngày 27 tháng 6 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 267/2025/TLST- HNGĐ ngày 18/6/2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị D**, sinh năm 1983

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố U, thị trấn T, huyện K, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Bá S**, sinh năm 1980

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố U, thị trấn T, huyện K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2025.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/6/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Bá S.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**- Về con chung:** Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Bá S thống nhất xác định anh, chị có 02 con chung là các cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02/3/2006 và cháu Nguyễn Đăng Khoa, sinh ngày 07/10/2008. Khi ly hôn, giao cho chị D là mẹ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Đăng Khoa cho đến khi cháu Khoa trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Đối với cháu Nguyễn Bảo N, cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi, hiện nay cháu có sức khỏe, trí tuệ phát triển bình thường, khi anh, chị ly

hôn cháu N ở với ai do cháu tự quyết định, anh, chị không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của anh S cho chị D cho đến khi cháu Khoa trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác của pháp luật;

*Anh S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.*

**- Về tài sản chung, nhà ở chung và nợ chung:** Hai bên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**- Về án phí sơ thẩm:** Ghi nhận sự tự nguyện của Trần Thị D tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo Biên lai thu tiền số 0066173, ngày 17/6/2025. Chị Trần Thị D được hoàn lại số tiền 150.000 đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**3**. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
-VKSND huyện K;
-TAND TP. Hà Nội;
-VKSND TP. Hà Nội;
- THADS huyện K;
-UBND phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (theo GCNKH số 37/2020; Ngày 15/5/2020);
- Lưu HS; Vp.

**THẨM PHÁN**

**Đoàn Thành Nam**